TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2026
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thuý; Bà Nguyễn Thị Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2025/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1995. ĐKHKTT và cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030095007520 do Cục quản cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/08/2022.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1996. ĐKHKTT và cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Q, phường T, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. CCCD số: 042196027448.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1970. ĐKHKTT và cư trú: Tổ dân phố Q, phường T, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030170009924 do Cục quản cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/4/2023.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Phạm Văn M trình bày:

Anh và chị Đinh Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2015 tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai*)*. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì

nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống tình cảm lạnh nhạt. Đặc biệt từ năm 2024 chị H đi lao động tại Đài Loan, do khoảng cách địa lý xa xôi cho nên không có điều kiện quan tâm trực tiếp đến nhau, khiến tình cảm nhạt phai, rạn nứt dần. Vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo một cuộc sống riêng, kinh tế độc lập. Hai bên gia đình đã hoà giải cho vợ chồng anh nhiều lần nhưng không có kết quả vì hai vợ chồng ở xa nhau nên không có cơ hội để hàn gắn. Hiện tại anh sinh sống tại Việt Nam, chị H sinh sống tại Đài Loan, chị H chỉ liên lạc với các con anh nên anh không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, mẫu thuẫn đã trầm trọng, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phạm Thị Yến N sinh ngày 01/01/2016 và Phạm Văn C sinh ngày 29/8/2017. Hiện tại các con đang ở với gia đình anh. Trước kia anh có quan điểm xin được nuôi cả hai con đến khi thành niên nhưng sau khi toà án cùng chính quyền địa phương trao đổi điện thoại trực tiếp với chị H anh được biết chị H có nguyện vọng nuôi một con chung là Phạm Văn C. Chị H nhờ mẹ đẻ anh chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến khi chị về nước anh hoàn toàn nhất trí. Trong thời gian anh và gia đình chăm sóc các con thì anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ và công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Do công việc của anh bận rộn, mặt khác chị H không có mặt ở Việt Nam để giải quyết vụ án, anh đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 29/01/2026 Toà án gọi điện cho chị H thông qua ứng dụng Messenger của bà Phạm Thị H1 có sự chứng kiến của chính quyền địa phương để trao đổi về nội dung vụ án. Chị H trình bày về điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng như anh M trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân. Sau đó chị đi lao động tại nước ngoài nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Trước kia vợ chồng chị đã từng có ý định ly hôn nhưng do không thoả thuận được về con nên đã dừng lại. Nay anh M làm đơn ly hôn, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể hàn gắn, chị nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Yến N sinh ngày 01/01/2016 và Phạm Văn C sinh ngày 29/8/2017. Chị có nguyện vọng nuôi con Phạm Văn C, anh M nuôi con Yến N cho đến khi các con thành niên. Tuy nhiên hiện nay chị đang đi lao động tại nước ngoài không thể về trực tiếp chăm sóc con nên chị nhờ anh M và mẹ chồng là bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị về nước. Về tài sản, nợ: Anh chị không có nên không yêu cầu toà án giải quyết. Toà án thông báo cho chị H biết lịch xét xử vụ án vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 13/02/2026, chị trình bày nếu thu

xếp được thời gian thì chị sẽ về trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên toà, trường hợp chị không về được thì toà án xét xử vắng mặt chị.

Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị H1 là mẹ đẻ anh M trình bày:

Chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhiều năm nay không quan tâm liên lạc với nhau. Chị H hiện tại đang lao động tại Đài Loan, chị thường gọi điện cho bà để thăm hỏi tình hình các con nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H nên không cung cấp cho Tòa án được. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Qua trao đổi, bà được biết chị H nhất trí ly hôn và xin nuôi một con Phạm Văn C. Chị H nhờ bà chăm sóc nuôi dưỡng các con đến khi chị về Việt Nam sinh sống bà hoàn toàn nhất trí. Về tài sản, nợ và công sức đóng cho gia đình hai bên: Anh chị không có.

Tại công văn phúc đáp ngày 22/12/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh công an thành phố H thể hiện: Chị H xuất cảnh gần nhất ngày 02/7/2024 bằng hộ chiếu số P03591125 qua cửa khẩu S; chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 80,81,82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238; Điều 271,273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của toà án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn M ly hôn chị Đinh Thị H; Về con chung: Giao con Phạm Thị Yến N sinh ngày 01/01/2016 cho anh Phạm Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Phạm Văn C sinh ngày 29/8/2017 cho chị Đinh Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không yêu cầu giải quyết. Anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Đinh Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại TDP Qua Bộ, phường T, thành phố Hải Phòng, hiện đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Bản thân chị H cũng không cung cấp cho Toà án nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H1 là mẹ chồng chị H. Bà H1 vẫn liên lạc với chị H và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh chị. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M và chị Đinh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai*)* vào ngày ngày 02/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Thông qua lời trình bày của H thể hiện trước khi xuất cảnh, chị H và anh M cũng đã có ý định ly hôn nhưng không thoả thuận được về con nên chưa thực hiện được. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã rạn nứt từ lâu, bản thân chị H cũng không muốn tiếp tục níu kéo, duy trì cuộc hôn nhân này. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, độc lập về kinh tế. Nay anh M có đơn xin ly hôn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh M ly hôn chị H theo điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Yến N sinh ngày 01/01/2016 và Phạm Văn C sinh ngày 29/8/2017. Nguyện vọng trực tiếp nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, chị H xin nuôi con Phạm Văn C anh M hoàn toàn nhất trí. Mẹ đẻ của anh M cam kết chăm sóc nuôi dưỡng con trong thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài. HĐXX giao con Yến N cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Văn C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm giao cháu C cho bà Phạm Thị H1, sinh năm 1970. ĐKHKTT và cư trú: TDP Qua Bộ, phường L, thành phố Hải Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi

chị H về nước đón con. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình anh bên*:* Anh M1, chị H cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Văn M ly hôn chị Đinh Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phạm Thị Yến N sinh ngày 01/01/2016 cho anh Phạm Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Phạm Văn C sinh ngày 29/8/2017 cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh M, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Phạm Văn C cho bà Phạm Thị H1, sinh năm 1970. ĐKHKTT và cư trú: TDP Qua Bộ, phường L, thành phố Hải Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị H về nước đón con.

Anh M, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006328 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Đinh Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND KV8-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8- Hải Phòng;
- UBND xã Ia O, tỉnh Gia Lai để ghi vào sổ hộ tịch,số ĐKKH: 19 ngày 02/2/2015.
- Lưu hồ sơ
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Hưng